



PETROLIMEX

V/v: Giải trình KQKD quý I/2016

Hà Nội ngày 27 tháng 04 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng xăng dầu xin giải trình nguyên nhân biến động kết quả hoạt động kinh doanh giữa quý I/2016 so với quý I/2015 như sau:

I. Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Quý I		So sánh	
	Năm nay	Năm trước	Số tuyệt đối	Tăng/giảm
1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	5,249,539,408	10,710,933,974	-5,461,394,566	-51.0%
Giá vốn hàng bán	4,655,177,627	9,811,554,993	-5,156,377,366	-52.6%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	594,361,781	899,378,981	-305,017,200	-33.9%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,787,457,892	1,016,076,992	771,380,900	75.9%
Chi phí tài chính	68,826,600	-90,691,833	159,518,433	-175.9%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	724,167	-724,167	
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty LD,LK	6,677,785	7,330,789	-653,004	-8.9%
Chi phí bán hàng	180,117,185	114,735,054	65,382,131	57.0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,498,999,721	2,332,842,023	3,166,157,698	135.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-3,359,446,048	-434,098,482	-2,925,347,566	-673.9%
Thu nhập khác	265,072,727	344,545,455	-79,472,728	-23.1%
Chi phí khác	32,534,086	283,991,669	-251,457,583	-88.5%
Lợi nhuận khác	232,538,641	60,553,786	171,984,855	284.0%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3,126,907,407	-373,544,696	-2,753,362,711	-737.1%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9,138,938	18,393,638	-9,254,700	-50.3%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-3,136,046,345	-391,938,334	-2,744,108,011	-700.1%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2016 so với quý I/2015 giảm 2.744 triệu đồng do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu thuần, giá vốn giảm. Lợi nhuận gộp về bán hàng giảm 305 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 771 triệu đồng.
- Chi phí tài chính tăng 160 triệu đồng. Chi phí bán hàng tăng 65 triệu đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3.166 triệu đồng chủ yếu do trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Lợi nhuận khác tăng 172 triệu đồng.

II. Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Quý I		So sánh	
	Năm nay	Năm trước	Số tuyệt đối	Tăng/giảm
1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	865,681,818	4,095,530,221	-3,229,848,403	-78.9%
Giá vốn hàng bán	649,999,999	3,713,259,723	-3,063,259,724	-82.5%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	215,681,819	382,270,498	-166,588,679	-43.6%
Doanh thu hoạt động tài chính	984,291,577	998,486,400	-14,194,823	-1.4%
Chi phí tài chính	68,826,600	-91,416,000	160,242,600	-175.3%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	0	0	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,998,773,629	1,422,924,708	3,575,848,921	251.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-3,867,626,833	49,248,190	-3,916,875,023	
Thu nhập khác	257,272,727	0	257,272,727	
Chi phí khác	0	0	0	
Lợi nhuận khác	257,272,727	0	257,272,727	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3,610,354,106	49,248,190	-3,659,602,296	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	18,393,638	-18,393,638	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-3,610,354,106	30,854,552	-3,641,208,658	

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2016 so với quý I/2015 giảm 3.641 triệu đồng do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu thuần, giá vốn giảm. Lợi nhuận gộp về bán hàng giảm 166 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 14 triệu đồng.
- Chi phí tài chính tăng 160 triệu đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3.576 triệu đồng.
- Lợi nhuận khác tăng 257 triệu đồng.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 18 triệu đồng.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VT, BTH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hùng